

Số: (2)..... Năm NS: 2024

PHIẾU PHẦN BỎ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: Phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu



Đơn vị tính: đồng

| Stt | Nội dung                   | Cấp dự toán                  | Quyết định/ Thông báo giao dự toán |            | Mã loại dự toán | Mã TKKT | Mã cấp NS | Mã DVQHNS | Mã chương | Mã ngành KT | Mã CTMT, DA và HTCT | Mã KBNN | Mã nguồn NSNN | Số tiền |             | Số tờ bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier |
|-----|----------------------------|------------------------------|------------------------------------|------------|-----------------|---------|-----------|-----------|-----------|-------------|---------------------|---------|---------------|---------|-------------|---------------------------------------------|
|     |                            |                              | Số                                 | Ngày       |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               | Nợ      | Có          |                                             |
| I   | Chi đầu tư phát triển      | Cấp 0                        |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 1                        |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (Dự toán)              |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (Lệnh chi tiền)        |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
| 1   | Chi đầu tư xây dựng cơ bản | Cấp 0                        | 6205/QĐ-UBND                       | 21/10/2024 | 02              | 9213    | 3         | 2999206   | 999       | 070         | 99999               | 2817    | 29            |         | 179.375.000 |                                             |
|     |                            | Cấp 1                        |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (Dự toán)              | 6205/QĐ-UBND                       | 21/10/2024 | 02              | 9253    | 3         | 1059995   | 622       | 070         | 99999               | 2817    | 29            |         | 179.375.000 |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (LCT tự chủ)           |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
| II  | Chi thường xuyên           | Cấp 0                        |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 1                        |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (Dự toán tự chủ)       |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (Dự toán không tự chủ) | 583/QĐ-PGDDT                       | 22/10/2024 | 02              | 9527    | 3         | 1105745   | 622       | 071         | 00000               | 2817    | 12            |         | 179.375.000 |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (LCT tự chủ)           |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |
|     |                            | Cấp 4 (LCT không tự chủ)     |                                    |            |                 |         |           |           |           |             |                     |         |               |         |             |                                             |

Quảng Yên, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Quảng Yên, ngày 18 tháng 10 năm 2024

CQ tài chính ghi sổ ngày 18 tháng 10 năm 2024

TRƯỜNG MẦM NON PHONG CỐC

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ QUẢNG YÊN

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Người nhập

Kiểm soát

Phó Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Hải

Trần Thị Hải

Nguyễn Thị Tươi

Trần Thị Truân

Nguyễn Thị Thuý

Vũ Mạnh Cường

Vũ Thị Hà



Số: 583/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 22 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non,  
học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở,  
Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025  
theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh

### TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 6205/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, số tiền: 4.619.055.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm mười chín triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu.

**Điều 2.** Giao các trường học được hỗ trợ kinh phí chịu trách nhiệm về đề xuất hỗ trợ kinh phí, thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thị Thúy**

Phụ lục

**PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG ĐANG HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2024/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 583/QĐ-PGDĐT ngày 22/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Tên đơn vị                  | Mã số quan hệ ngân sách | Chương | Mã ngành kinh tế | Mã nguồn kinh phí | Kinh phí phân bổ     |
|-----------|-----------------------------|-------------------------|--------|------------------|-------------------|----------------------|
| 1         | 2                           | 3                       | 4      | 5                | 6                 | 7                    |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>            |                         |        |                  |                   | <b>4.619.055.000</b> |
| <b>I</b>  | <b>Khối mầm non</b>         |                         |        |                  |                   | <b>2.653.425.000</b> |
| 1         | Trường Mầm non Cộng Hòa     | 1105749                 | 622    | 071              | 12                | 194.125.000          |
| 2         | Trường Mầm non Hà An        | 1105742                 | 622    | 071              | 12                | 252.750.000          |
| 3         | Trường Mầm non Hoàng Tân    | 1105733                 | 622    | 071              | 12                | 53.100.000           |
| 4         | Trường Mầm non Minh Thành   | 1105730                 | 622    | 071              | 12                | 225.250.000          |
| 5         | Trường Mầm non Liên Vị      | 1105736                 | 622    | 071              | 12                | 73.150.000           |
| 6         | Trường Mầm non Phong Cốc    | 1105745                 | 622    | 071              | 12                | 179.375.000          |
| 7         | Trường Mầm non Phong Hải    | 1105739                 | 622    | 071              | 12                | 169.625.000          |
| 8         | Trường Mầm non Tiên An      | 1105738                 | 622    | 071              | 12                | 68.500.000           |
| 9         | Trường Mầm non Yên Giang    | 1105732                 | 622    | 071              | 12                | 137.750.000          |
| 10        | Trường Mầm non Đông Mai     | 1105740                 | 622    | 071              | 12                | 221.375.000          |
| 11        | Trường Mầm non Cẩm La       | 1105743                 | 622    | 071              | 12                | 56.100.000           |
| 12        | Trường Mầm non Hiệp Hòa     | 1105735                 | 622    | 071              | 12                | 114.900.000          |
| 13        | Trường Mầm non Liên Hòa     | 1105746                 | 622    | 071              | 12                | 86.800.000           |
| 14        | Trường Mầm non Nam Hòa      | 1105741                 | 622    | 071              | 12                | 110.750.000          |
| 15        | Trường Mầm non Sông Khoai   | 1105731                 | 622    | 071              | 12                | 134.400.000          |
| 16        | Trường Mầm non Tân An       | 1105737                 | 622    | 071              | 12                | 147.125.000          |
| 17        | Trường Mầm non Tiên Phong   | 1105748                 | 622    | 071              | 12                | 24.600.000           |
| 18        | Trường Mầm non Yên Hải      | 1105747                 | 622    | 071              | 12                | 160.875.000          |
| 19        | Trường Mầm non Hoa Hồng     | 1105734                 | 622    | 071              | 12                | 242.875.000          |
| <b>II</b> | <b>Khối Trung học cơ sở</b> |                         |        |                  |                   | <b>1.742.430.000</b> |
| 1         | Trường THCS Đông Mai        | 1027586                 | 622    | 073              | 12                | 136.800.000          |
| 2         | Trường THCS Trần Hưng Đạo   | 1027582                 | 622    | 073              | 12                | 143.520.000          |
| 3         | Trường THCS Tiên An         | 1025843                 | 622    | 073              | 12                | 57.840.000           |
| 4         | Trường THCS Cộng Hòa        | 1025849                 | 622    | 073              | 12                | 171.360.000          |
| 5         | Trường THCS Phong Hải       | 1025838                 | 622    | 073              | 12                | 107.280.000          |
| 6         | Trường THCS Hà An           | 1027590                 | 622    | 073              | 12                | 138.420.000          |
| 7         | Trường THCS Nam Hòa         | 1027587                 | 622    | 073              | 12                | 96.840.000           |
| 8         | Trường THCS Lê Quý Đôn      | 1027583                 | 622    | 073              | 12                | 181.740.000          |

| Stt        | Tên đơn vị                              | Mã số<br>quan hệ<br>ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân bổ   |
|------------|-----------------------------------------|-------------------------------|--------|---------------------|----------------------|--------------------|
| 9          | Trường THCS Hiệp Hòa                    | 1027584                       | 622    | 073                 | 12                   | 97.080.000         |
| 10         | Trường THCS Sông Khoai                  | 1025841                       | 622    | 073                 | 12                   | 59.040.000         |
| 11         | Trường THCS Minh Thành                  | 1027588                       | 622    | 073                 | 12                   | 230.580.000        |
| 12         | Trường THCS Liên Hòa                    | 1027589                       | 622    | 073                 | 12                   | 61.830.000         |
| 13         | Trường THCS Liên Vị                     | 1025839                       | 622    | 073                 | 12                   | 78.240.000         |
| 14         | Trường THCS Tân An                      | 1027591                       | 622    | 073                 | 12                   | 89.460.000         |
| 15         | Trường THCS Yên Hải                     | 1025842                       | 622    | 073                 | 12                   | 92.400.000         |
| <b>III</b> | <b>Khối Tiểu học và Trung học cơ sở</b> |                               |        |                     |                      | <b>223.200.000</b> |
| 1          | Trường TH&THCS Tiên Phong               | 1027578                       | 622    | 073                 | 12                   | 18.120.000         |
| 2          | Trường TH&THCS Cẩm La                   | 1130336                       | 622    | 073                 | 12                   | 38.040.000         |
| 3          | Trường TH&THCS Sông Khoai               | 1130337                       | 622    | 073                 | 12                   | 28.920.000         |
| 4          | Trường TH&THCS Hoàng Tân                | 1131212                       | 622    | 073                 | 12                   | 28.200.000         |
| 5          | Trường TH&THCS Phong Cốc                | 1133723                       | 622    | 073                 | 12                   | 109.920.000        |

Số: 276/QĐ-MNPC

Quảng Yên, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Công bố công khai phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON PHONG CỐC**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 583/QĐ-PGD&ĐT, ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên V/v phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh của trường mầm non Phong Cốc (Theo biểu mẫu số 02- Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các bộ phận của trường Mầm non Phong Cốc và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (T/h);
- Phòng GD & ĐT, KBNN;
- Lưu :VT, ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



Nguyễn Thị Tươi

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Phong Cốc

Chương: 622/071

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 276/QĐ-MNPC ngày 30/10/2024 của Trường mầm non Phong Cốc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                        | Dự toán được giao |
|-------|-------------------------------------------------|-------------------|
| I     | 2                                               | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, học phí                       | 0                 |
| I     | Số thu học phí                                  | 0                 |
| II    | Chi từ nguồn thu học phí được để lại            | 0                 |
| 1     | Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo (60%) |                   |
| 2     | Dự nguồn tăng lương (40%)                       |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                  | 179,375           |
| 1     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                 | 179,375           |
| 1.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                  |                   |
| 1.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên            | 179,375           |